TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2023/DS-PT
Ngày: 24/3/2023
V/v "Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất, phân chia thừa kế tài sản và yêu cầu hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tài;

Ông Phạm Việt Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất, phân chia thừa kế tài sản và yêu cầu hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2383/2023/QĐPT-HC ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ 13, phường Trung T, thành phố Thái N, tỉnh Thái Nguyên; Vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1942; Địa chỉ: Thôn Giai L, xã Lê X, huyện Tiên L, tỉnh Hưng Yên; Có mặt.

**** Bị đơn:*** Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1946; Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Nguyễn Bá Đài, sinh năm 1949;

Đều có địa chỉ: Thôn Giai L, xã Lệ X, huyện Tiên L, tỉnh Hưng Yên; Vắng mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1942; Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1958; Có mặt.

3. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1960; Vắng mặt.

4. Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1963; Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn Giai L, xã Lệ X, huyện Tiên L, tỉnh Hưng Yên.

5. Ủy ban nhân dân huyện Tiên L, tỉnh Hưng Yên;

- *Người đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Thị Bích H2- Chủ tịch UBND huyện; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn là bà Nguyễn Thị S và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hữu C trình bầy:

Bố mẹ ông, bà là cụ Nguyễn Văn C1 và Phạm Thị T2 sinh được 06 người con gồm: ông Nguyễn Công C (liệt sỹ chưa có vợ con), ông Nguyễn Hữu C, ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn D. Ngoài ra, hai cụ không có vợ, chồng, con riêng, con nuôi hợp pháp nào khác. Khi hai cụ còn sống có mảnh đất thổ cư ở trong làng hơn 1.400m2 tại thôn Giai L xã Lệ X đã chia cho các con từ trước năm 1993 sử dụng ổn định, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không tranh chấp.

Vợ chồng cụ C trông nom quét dọn chợ N, thôn Giai L nên tự ý lấn chiếm sử dụng một phần đất tại khu vực ao Cọ thôn Giai L, xã Lệ X. Ngày 08/5/1996 UBND xã Lệ X đã hợp pháp hóa phần diện tích đất vợ chồng cụ C lấn chiếm là 118m2, trong đó có 78 m2 phải nộp tiền 20.000đ/m2 bằng 1.560.000đ, còn 40m2 là đất hành lang giao thông tạm giao cho sử dụng khi nào nhà nước mở đường phải có trách nhiệm trả lại. Vợ chồng cụ C đã làm nhà ở trên đất và lấn chiếm thêm vào phần đất ao để được diện tích theo việc đo đạc năm 1998 là 174m2. Bà S đi làm công nhân công ty gang thép Thái Nguyên từ năm 1975 đến năm 2006 sức khỏe yếu nghỉ hưu, hoàn cảnh gia đình khó khăn chồng bỏ, có 01 con gái nên vợ chồng cụ C đã cho đất về làm nhà sau này dựa vào anh em. Ngày 15/7/2006 vợ chồng cụ C viết giấy chuyển quyền sử dụng cho bà S diện tích 174m2 đất, được chính quyền xã xác nhận. Bà S đã bán một phần đất ở Thái Nguyên lấy tiền về xây 02 gian nhà ở đến khi hai cụ qua đời. Cụ C chết ngày 06/11/2007, cụ T4 chết ngày 24/8/2016 đều không để lại di chúc.

Ông Nguyễn Xuân H lấy bà Phùng Thị T sinh được hai người con sống tại phường Hoàng Văn T, thành phố Thái N, tỉnh Thái Nguyên. Năm 1998 ông H2 mắc nghiện ma túy bỏ về quê cai nghiện, được bố mẹ cưu mang cho ở cùng trên đất. Sau khi cai nghiện xong, ông H2 không lên Thái Nguyên cùng vợ con mà sống ly thân. Năm 2002 ông H2 chung sống như vợ chồng với bà Đỗ Thị C, sinh thêm được 01 con trai nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng cụ C đồng ý cho ông H2 làm ngôi nhà nhỏ trên đất ở tạm. Ông H2 lợi dụng sống cùng bố mẹ đã tự ý làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích đất 174m2 có nguồn gốc của vợ chồng cụ C mang tên ông Nguyễn Xuân H và bà Đỗ Thị C năm 2014. Giữa bà S và ông H2 phát sinh tranh chấp đất của bố mẹ để lại, bà S khởi kiện yêu cầu ông H2 phá dỡ toàn bộ nhà cửa công trình xây trên đất để trả lại diện tích 174m2, phân chia thừa kế là ngôi nhà của cụ T4 được nhà nước hỗ

trợ tiền xây dựng và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Xuân H bà Đỗ Thị C.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn là ông Nguyễn Xuân H và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Bá Đài trình bầy thống nhất với nguyên đơn về mối quan hệ huyết thống trong gia đình cũng như diện tích đất hơn 1.400m2 ở trong làng vợ chồng cụ C đã phân chia cho các con không tranh chấp trong vụ kiện. Ông H2 xác nhận việc vợ chồng cụ C được hợp pháp hóa diện tích đất 118m2 tại khu vực chợ N từ năm 1996, hai cụ đã xây 02 gian nhà cấp bốn để ở. Năm 2002 ông H2 lấy bà Đỗ Thị C làm vợ hai không đăng ký kết hôn, do chỗ ở chật chội ngày 26/4/2002 cụ C lập giấy chuyển quyền sử dụng cho ông diện tích 85m2, trên đất có ngôi nhà cấp bốn được chính quyền xã xác nhận (thực chất vợ chồng cụ C bán 85 m2 đất cho ông với giá tiền 15.000.000đ). Vợ chồng cụ C xây thêm 02 gian nhà nhỏ trên phần đất bên cạnh và giao toàn bộ giấy tờ cho ông H2 để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2006 hoàn cảnh bà S khó khăn nên vợ chồng cụ C đã viết giấy cho bà S phần đất còn lại vào ngày 15/7/2006 được UBND xã Lệ X xác nhận. Bà S đã làm 02 gian nhà nhỏ tại phần đất phía sau nhà vợ chồng cụ C ở. Năm 2009 ông và bà C4 phá dỡ 02 gian nhà cấp bốn xây ngôi nhà mái bằng 01 tầng ở đến ngày nay. Ngày 11/12/2014 ông và bà C4 được cấp bìa đỏ toàn bộ diện tích đất 173,7m2. Cũng trong năm 2014, do ngôi nhà cấp bốn của vợ chồng cụ C xây xuống cấp dột nát, gia đình có liệt sỹ nên nhà nước hỗ trợ số tiền 46.000.000đ để tu sửa ngôi nhà cho cụ T4 ở cho đến khi qua đời. Năm 2019 bà S không ở trên đất bố mẹ cho nữa nên thống nhất bán lại cho ông với giá tiền 140.000.000đ, ông đồng ý mua chờ ngày giao tiền thì bà S từ chối không bán nữa. Sau đó, bà S bán lại toàn bộ phần đất cho ông Nguyễn Hữu C với giá tiền 175.000.000đ, khi con trai ông C3 đem giấy đến yêu cầu ông ký nhận giáp ranh ông không ký thì anh em xảy ra mâu thuẫn. Trước yêu cầu khởi kiện của bà S, ông H2 không chấp nhận vì bố mẹ đã bán cho ông 85 m2 đất ông phải được sử dụng. Phần đất bố mẹ đã xây nhà để làm nơi thờ cúng, bà S chỉ được sử dụng phần đất còn lại ở phía sau ngôi nhà thờ cúng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn D trình bày thống nhất với nguyên đơn, bị đơn về mối quan hệ trong gia đình. Ông C3, bà T3 đứng về phía về nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông H2 phải tháo dỡ nhà, công trình đã xây trên đất trả lại cho bà S toàn bộ diện tích đất 174m2, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H2 bà C4. Đối với ngôi nhà cụ T4 được nhà nước hỗ trợ tiền sửa chữa, ông bà đề nghị phân chia thừa kế theo pháp luật. Ông Duyệt đồng ý việc cụ C cụ T4 đã cho ông H2, bà S đất vào năm 2002, 2006. Nếu phải chia thừa kế ngôi nhà ông tự nguyện nhường lại cho ông H2, bà S mỗi người một nửa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị C trình bày thống nhất với đương sự khác về hoàn cảnh về làm vợ hai ông H2. Năm 2002 bà và ông H2 mua diện tích đất của vợ chồng cụ C với giá tiền 15.000.000 đồng. Ngày 26/4/2002 cụ C lập giấy chuyển quyền sử dụng cho ông bà diện tích 85m2, trên đất có ngôi nhà cấp bốn hai gian được chính quyền xã xác nhận. Bà và ông H2 đã phá dỡ ngôi nhà cũ, xây nhà mới và các công trình khác trên đất cụ T4 và các

anh chị em khác của ông H2 biết không phản đối. Bà đề nghị Tòa án giải quyết công bằng, đảm bảo quyền lợi cho bà và ông H2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện Tiên L tại văn bản số 742/UBND-TNMT ngày 21/9/2021 thể hiện quan điểm về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Xuân H và bà Đỗ Thị C ngày 11/12/2014 diện tích 173,7m2 tại tờ bản đồ số 22 thửa số 60 là đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nguồn gốc đất UBND xã Lệ X bán trái thẩm quyền năm 1996 nên việc cấp giấy chứng nhận sai nguồn gốc sử dụng đất, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất nên thuộc trường hợp phải thu hồi theo điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013. UBND huyện Tiên L đã ban hành Quyết định số 2148/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H2 bà C4.

Xác minh tại UBND xã Lệ X thể hiện: Nguồn gốc mảnh đất tranh chấp là của vợ chồng cụ Nguyễn Văn C1 Phạm Thị T2 được UBND xã hợp pháp hóa ngày 08/5/1996 diện tích 118m2 trong đó 78 m2 có thu tiền 1.500.000 đ, còn 40 m2 tính từ tim đường vào là đất lưu không không tính tiền tạm giao cho sử dụng. Hiện tại UBND xã không lưu giữ hồ sơ bản đồ 299 đo vẽ năm 1982-1986, chỉ lưu giữ hồ sơ bản đồ địa chính đo vẽ năm 1998 và VLAP năm 2015. Theo sổ sách bản đồ đo vẽ năm 1998, diện tích đất mang tên cụ Nguyễn Văn C1 tại tờ bản đồ số 16 thửa số 469 diện tích 174m2 loại đất T. Ngày 11/12/2014 ông Nguyễn Xuân H bà Đỗ Thị C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 173,7m2 loại đất ở nông thôn tại tờ bản đồ số 22 thửa số 60. Năm 2015 triển khai dự án VLAP chỉnh sửa, số hóa đất đai trên toàn xã, mảnh đất thể hiện tại tờ bản đồ số 22 thửa số 60 diện tích 173,7m2 loại đất ở nông thôn đứng tên ông H2 bà C4. Tuy nhiên, việc cấp giấy chứng nhận cho ông H2 bà C4 sai nguồn gốc đất, không đúng trình tự thủ tục vì không có giấy tờ hợp pháp của vợ chồng cụ C cho ông H2 toàn bộ diện tích đất, bà C4 không phải vợ hợp pháp của ông H2 vì chưa đăng ký kết hôn. Khi cụ C cụ T4 còn sống đã hai lần chuyển quyền sử dụng đất cho ông H2 ngày 26/4/2002 diện tích 85m2, cho bà S ngày 15/7/2006 diện tích đất còn lại đều có xác nhận của UBND xã và phải nộp lệ phí mỗi lần 50.000đ. UBND xã đề nghị hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H2 bà C4. Do gia đình cụ C có con liệt sỹ nên được miễn nộp thuế quyền sử dụng đất. Theo biên bản giao đất ngày 08/5/1996, gia đình cụ C chỉ được công nhận 78m2 đất ở hợp pháp, còn 40m2 là đất hành lang giao thông tạm giao sử dụng. Quá trình sử dụng gia đình đã lấn chiếm đất công lên 173,7m2. Phần đất lấn chiếm phù hợp với quy hoạch khu dân cư, được xem xét công nhận quyền sử dụng nhưng phải nộp nghĩa vụ tài chính. Giữa ông H2 và bà S xảy ra tranh chấp đất của bố mẹ để lại, UBND xã đã hòa giải nhiều lần không thành. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các bên.

Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đo vẽ thửa đất có diện tích thực tế là 197,4m2 trị giá 658.403.000đ. Trên đất có 01 ngôi nhà mái bằng diện tích 57m2 trị giá 11.229.000đ; 01 lán nhỏ tận dụng làm bếp trị giá 5.010.000đ; 01 lán lợp proximang trị giá 4.578.000đ; 01 nhà vệ sinh trị giá 1.534.000đ (là công

trình do ông H2 bà C4 xây); 01 nhà cấp bốn lợp tôn diện tích 24,4m2 giá trị 28.620.000đ (ngôi nhà xây năm 2014 do nhà nước hỗ trợ tiền cho cụ T4 vì là gia đình liệt sỹ); 01 ngôi nhà cấp bốn + 01 nhà tắm, nhà vệ sinh do bà S xây dựng đã xuống cấp trầm trọng không còn giá trị sử dụng. Ngoài ra, còn 01 bể nước, sân bê tông, tường bao, cây cối do ông H2 bà C4 xây dựng nhưng không yêu cầu định giá, sau này phân chia cho ai người đó được hưởng.

Tòa án thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Các đương sự không tự thoả thuận giải quyết được vụ án, đề nghị Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo qui định của pháp luật. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại Bản án sơ dân sự thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Căn cứ các Điều 166, 457, 459, 620, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 2, 5 Điều 26; Điều 34; Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 92, Điều 147; Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S yêu cầu chia di sản thừa kế của mẹ đẻ cụ Nguyễn Thị T4 để lại. Không chấp nhận yêu cầu của bà S buộc ông Nguyễn Xuân H phải tháo dỡ toàn bộ ngôi nhà và công trình trên đất để trả lại toàn bộ diện tích đất 174m2.

Công nhận sự thoả thuận của Ông C3, H2, D, bà T, bà S tự nguyện để lại toàn bộ ngôi nhà cấp bốn lợp tôn diện tích 24,4m2 được nhà nước hỗ trợ tiền cho cụ T4 sửa chữa năm 2014 trị giá hiện tại là 28.620.000đ cho bà Nguyễn Thị S sở hữu sử dụng.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện Tiên L cấp cho ông H2 bà C4 năm 2014 đã bị thu hồi nên không cần thiết phải xem xét huỷ bỏ.

Xác định vợ chồng cụ Nguyễn Văn C1 Phạm Thị T2 có diện tích đất hợp pháp 78m2 đã cho hai con là ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị S. Diện tích đất còn lại 119,4m2 là đất hành lang giao thông và đất lấn chiếm.

Công nhận bà Nguyễn Thị S được quyền quản lý sử dụng diện tích 39m2 đất ở trị giá thành tiền là 144.300.000đ; tạm giao cho bà S sử dụng 42,8m2 đất hành lang giao thông và đất lấn chiếm chờ cơ quan Nhà nước giải quyết theo luật đất đai. Tổng diện tích bà S được quản lý sử dụng là 81,8m2, trên đất có ngôi nhà cấp bốn là di sản thừa kế của cụ T4 để lại tại tờ bản đồ số 22 thửa số 60 ở thôn Giai L, xã Lệ X, huyện Tiên L, tỉnh Hưng Yên với tứ cận: Phía Tây N giáp đất ông Nguyễn Xuân H; phía Đông Bắc giáp đất gia đình ông Đồng Văn M; phía Tây Bắc giáp đường DH82; phía Đông Nam giáp đất gia đình ông Nguyễn Văn T4.

Công nhận ông Nguyễn Xuân H được quyền quản lý sử dụng diện tích 39m2 đất ở trị giá thành tiền là 144.300.000đ; tạm giao cho ông H2 sử dụng

76,6m2 đất hành lang giao thông và đất lấn chiếm chờ cơ quan Nhà nước giải quyết theo luật đất đai. Tổng diện tích ông H2 được quản lý là 115,6m2, trên đất có ngôi nhà mái bằng và các công trình ông H2 bà C4 xây dựng tại tờ bản đồ số 22 thửa số 60 ở thôn Giai L, xã Lệ X, huyện Tiên L, tỉnh Hưng Yên với tứ cận: Phía Tây Nam giáp đường làng; phía Đông Bắc giáp đất bà S; phía Tây Bắc giáp đường DH82; phía Đông Nam giáp đất gia đình ông Nguyễn Văn T4.

Bà S, ông H2 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

Đối với sân bê tông, tường bao, cây cối đương sự không tranh chấp không yêu cầu giải quyết, phân chia vào phần đất của ai người đó được hưởng. *(Có sơ đồ cụ thể kèm theo).*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/4/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị S vắng mặt nhưng có người được ủy quyền là ông Nguyễn Hữu C có mặt. Ông C3 đề nghị xét xử vụ án và giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu ông H2 phải trả lại toàn bộ diện tích đất theo đơn khởi kiện vì bố bà S đã cho bà S toàn bộ đất đó.

Bị đơn: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Thống nhất như bản án sơ thẩm đã quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

Kháng cáo của bà S trong hạn nên cần được chấp nhận để xét.

Xét kháng cáo của bà S, thấy: Tại giấy chuyển quyền sử dụng đất có xác nhận của chính quyền thì cụ C đã cho ông H2 85m2 đất từ trước, còn lại cho bà S. Lúc đó cụ T4 biết và nhất trí, không có ý kiến gì. Việc xây nhà cho cụ T4 mọi người đều đồng ý. Giấy cho đất của cụ C lập năm 2006 có thể hiện rõ tứ cận trong đó có chiều giáp đất "H2 Cử" chính là vợ chồng ông H2. Do vậy nay bà S cho rằng đã được cụ C cho toàn bộ 175m2 đất là không có căn cứ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H2 đã bị UBND huyện thu hồi nên toà án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng.

Đề nghị bác kháng cáo của bà S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị S đúng quy định nên được chấp nhận để xét. Tại phiên toà phúc thẩm, bà S vắng mặt nhưng có người được ủy quyền tham gia tố tụng và đề nghị tiếp tục xét xử theo quy định. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa các bên không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị S, Hội đồng xét xử thấy:

Về nguồn gốc toàn bộ diện tích đất đang có tranh chấp thì các đương sự đều thống nhất việc vợ chồng cụ C cụ T4 đã tôn tạo và được UBND xã Lệ X hợp pháp hóa diện tích đất 118m2 lấn chiếm, trong đó có 78m2 đất phải nộp tiền còn 40m2 là đất hành lang giao thông tạm giao cho sử dụng.

Vợ chồng cụ Nguyễn Văn C1 và Phạm Thị T2 sinh được 06 người con là ông Chứ (liệt sỹ chưa có vợ con), Chỉnh, Huấn, Duyệt, bà S, Thụy. Đối với diện tích đất đang có tranh chấp, ngày 08/5/1996 UBND xã Lệ X đã hợp pháp hóa phần diện tích vợ chồng cụ C lấn chiếm là 118m2 đất, trong đó có 78 m2 phải nộp số tiền 1.500.000đ, còn 40m2 là đất hành lang giao thông tạm giao cho sử dụng khi nào nhà nước mở đường phải có trách nhiệm trả lại. Vợ chồng cụ C đã làm nhà ở trên đất và lấn chiếm thêm vào phần đất ao để được diện tích theo việc đo đạc năm 1998 là 174m2. Cụ C chết ngày 06/11/2007, cụ T4 chết ngày 24/8/2016 đều không để lại di chúc.

Ông Nguyễn Xuân H là con trai thứ ba và chung sống như vợ chồng với bà Đỗ Thị C được hai bên gia đình thừa nhận nhưng không đăng ký kết hôn. Bà Nguyễn Thị S là con gái thứ tư hai cụ làm công nhân tại nhà máy gang thép Thái Nguyên từ năm 1975 đến năm 2006 nghỉ hưu, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Ngày 26/4/2002 cụ C lập giấy chuyển quyền sử dụng cho ông H2 bà C4 diện tích 85m2. Đến ngày 15/7/2006 cụ C tiếp tục có giấy chuyển quyền sử dụng đất cho con gái bà Nguyễn Thị S số diện tích đất còn lại, giấy này được cán bộ địa chính và chủ tịch UBND xã xác nhận và phải nộp lệ phí chuyển quyền sử dụng đất mỗi lần số tiền 50.000đ. Ông H2, bà S đã nhận đất, tiến hành xây dựng nhà cửa, công trình trên đất. Cụ Nguyễn Thị T4 còn sống, biết việc cho đất tuy không ký vào hai giấy chuyển quyền sử dụng đất nhưng không có ý kiến gì.

Quá trình ông H2 kê khai toàn bộ và ngày 12/11/2014 toàn bộ mảnh đất diện tích 173,7m2 có nguồn gốc của vợ chồng cụ C được UBND huyện Tiên L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Xuân H và bà Đỗ Thị C. Giữa ông H2 và bà S phát sinh tranh chấp đất bố mẹ đã cho, bà S yêu cầu ông H2 phải dỡ bỏ toàn bộ nhà cửa, công trình xây trên đất để trả lại toàn bộ diện tích 174m2 mà bà cho rằng đã được bố mẹ cho toàn bộ, huỷ bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H2 bà C4, chia thừa kế đối với ngôi nhà do cụ T4 được nhà nước hỗ trợ tiền sửa chữa. Ông H2 không chấp nhận yêu cầu của bà S đòi hưởng toàn diện tích đất 174m2, chỉ đồng ý để bà S được hưởng phần diện tích đất đã xây nhà bố mẹ cho, còn phần đất có ngôi nhà cụ T4 được nhà nước hỗ trợ tiền sửa chữa để làm nơi thờ cúng chung.

Toà án cấp sơ thẩm đã xác định khi cụ C và cụ T4 còn sống, đã cho ông

Nguyễn Xuân H 85m2 vào ngày 26/4/2002; cho bà S diện tích đất còn lại vào ngày 15/7/2006. Đây là việc tặng cho tài sản quy định tại Điều 457, 459 Bộ luật Dân sự. Ông H2, bà S đã xây dựng nhà cửa công trình trên đất, sử dụng ổn định. Mặc dù trong hai giấy cho đất ông H2 và bà S cụ T4 không ký nhưng còn sống khoẻ mạnh minh mẫn biết việc cho đất, khi ông H2 bà S xây dựng nhà cửa trên đất năm 2007, 2009 cụ T4 và các người con khác là Ông C3, bà T3, ông Duyệt đồng ý việc xây nhà, không ai phản đối. Trong giấy cho đất bà S, cụ C không ghi rõ diện tích đất nhưng có thể hiện tứ cận thửa đất là Đông Nam giáp ao Cọ, Tây Bắc giáp đường 203 B, Tây Nam giáp đất Huấn Cử, Đông Bắc giáp đất Hoa Mạnh. Không có nội dung nào thể hiện cụ C cho bà S toàn bộ diện tích đất. Do vậy yêu cầu của bà S đòi hưởng toàn bộ 174m2 đất không có căn cứ chấp nhận.

Diện tích đo thực tế tuy là 197,4m2 nhưng chỉ có căn cứ xác định diện tích hợp pháp là 78m2 vì năm 1996 UBND xã chỉ hợp pháp hóa cho vợ chồng cụ C 78m2 phải đóng tiền 20.000đ/m2 bằng 1.500.000đ, còn 40m2 là hành lang giao thông tạm giao cho sử dụng và đất lấn chiếm. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ công nhận 78m2 đất ở, còn lại 119,4m2 sẽ tạm giao cho đương sự sử dụng chờ cơ quan nhà nước giải quyết theo quy định.

Đối với ngôi nhà cấp bốn lợp tôn diện tích 24,4m2 được nhà nước hỗ trợ tiền cho cụ T4 sửa chữa năm 2014 trị giá hiện tại là 28.620.000đ. Ông Duyệt đã có lời khai tự nguyện không phận kỷ phần thừa kế, nhường lại cho ông H2, bà S mỗi người một nửa. Tại phiên toà sơ thẩm, Ông C3, ông H2, bà S, bà Thuỵ đã thống nhất không phân chia tự nguyện để lại hết cho bà Nguyễn Thị S sử dụng. Do đó Hội đồng xét xử sơ thẩm đã cộng nhận giao cho bà S là đảm bảo quyền lợi của đương sự.

Đối với yêu cầu của bà S huỷ bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H2 bà C4 năm 2014, Uỷ ban nhân dân huyện Tiên L đã có Quyết định số 2149/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho ông Nguyễn Xuân H và bà Đỗ Thị C ngày 11/12/2014 nên Tòa án cấp sơ thẩm không xét là đúng.

Nay không có tài liệu, chứng cứ gì mới để chấp nhận kháng cáo của bà S, Cần bác kháng cáo của bà S, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại phiên toà.

[3]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà S được miễn án phí phúc thẩm vì là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị S; Giữ nguyên các quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- *VKSND cấp cao tại HN.*
- *TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *VKSND tỉnh Hưng Yên;*
- *Cục THA DS tỉnh Hưng Yên.*
- *Các đương sự (qua đ/c);*
- *Lưu HS, PHCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Đông